

THUYẾT VÔ CẤU XUNG KINH SỞ

QUYỂN 5 (PHẦN 1)

Kinh: *Diệu Cát Tường... chẳng thật chẳng có.*

Tán: Đoạn thứ hai nói về tâm điều phục tâm Nhị thừa, nói đại bi để phá chấp không. Nhị thừa chỉ có tự lợi, bị pháp chấp trói buộc, nay nói đại bi, diệu tuệ phương tiện để giải trừ, nên gọi là điều phục tâm Nhị thừa, nói đại bi để phá chấp không, vì chấp không thì chẳng có đại bi. Văn gồm ba đoạn:

1. Nói về đại bi quán xét bệnh của mình và người.
2. Từ câu vì sao... là giải thích nguyên do.
3. Từ câu BỒ-tát như thế..., kết luận nói lìa trói buộc.

Trong đoạn thứ nhất lại có hai:

1. Quán tướng bệnh.
2. Khởi đại bi.

Đây là văn đầu. Bệnh của mình và người chẳng chân thật, chẳng nhất định là có vì do nhân duyên giả hợp mà thành.

Kinh: *Khi quán như thế... phát khởi đại bi.*

Tán: Đây là nói về khởi đại bi. Chẳng nên như phàm phu có ái mà khởi tâm Bi; chẳng nên như Nhị thừa khởi hai kiến mà phát tâm Bi, hoặc căn cứ theo văn sau, chẳng nên khởi ái đấm trước các thiền định mà khởi kiến chấp ái, không có tuệ phương tiện mà khởi tâm Bi, hoặc chẳng nên khởi kiến chấp thật có ái nhiễm danh lợi kia mà khởi tâm Bi. Chỉ nên đoạn trừ khách trần phiền não cho tất cả hữu tình mà khởi đại bi. Trước là nói điều chẳng nên, ở đây thì nói điều nên làm.

Kinh: *Vì sao?... mà có mệt mỏi nhàm chán.*

Tán: Giải thích nguyên do. Đây là giải thích lý do chẳng nên. Nếu đồng phàm phu và Nhị thừa khởi ái kiến, chấp trước ái nhiễm, ở nơi sinh tử tức có nhàm chán, phiền não chưa dứt, vật ngã chưa trừ, cho nên có lao nhọc mà sinh mệt mỏi nhàm chán.

Kinh: *Nếu đoạn trừ... thì không có nhàm mỏi.*

Tán: Đây là giải thích nên làm. Nếu phiền não đã đoạn trừ thì

vật ngã liền bật, nhiếp người đồng như mình, cho nên ở nơi sinh tử mà không nhàm mỗi. Kinh Bát-nhã ghi: “Diệt độ vô lượng chúng sinh như thế, thật không có chúng sinh được diệt độ”. Đây là tâm thường trụ, nhiếp người đồng với mình, không phải là tâm ái kiến trói buộc, cho nên thường độ sinh mà không mệt mỗi.

Kinh: *Bồ-tát như thế... trói buộc tâm kia.*

Tán: Phần thứ ba kết luận, lìa trói buộc có ba:

1. Kết luận lìa trói buộc.
2. Dẫn giáo chứng minh.
3. Nói rộng về trói buộc và giải thoát.

Đầu tiên nêu lên bốn phước, ba phước đầu là tự lợi; một phước sau là lợi tha. Đây là phước thứ nhất. Nương theo ý trước mà khởi văn sau, cho nên nói như thế, vì không nhàm mỗi, lại không có ái kiến trói buộc tâm kia, ở đây ý nghĩa đắp đổi nhau. Trước nói không ái kiến, tức không có nhàm mỗi ở đây nói không nhàm mỗi, là không có ái kiến, cả hai làm nhân cho nhau.

Kinh: *Vì không có ái kiến... chứng đắc giải thoát.*

Tán: Đoạn này có hai phước. Vì ái kiến diệt nên chẳng có trói buộc; vì không bị trói buộc nên được đại Niết-bàn giải thoát.

Kinh: *Vì nơi sinh tử... chứng đắc giải thoát.*

Tán: Đây là phước lợi tha. Mình đã giải thoát thì có trí lực, liền thuyết diệu pháp khiến cho người lìa trói buộc, mà chứng giải thoát.

Kinh: *Đức Thế Tôn nương vào đây... thật không có việc ấy.*

Tán: Dẫn giáo chứng minh. Đầu tiên là lời dẫn, sau là kết luận. Nếu mình bị trói buộc, thì chẳng thể mở trói cho người, tức phạm phu và Nhị thừa. Nếu mình đã giải thoát, thì có thể giải thoát cho người, tức là các Đức Như Lai. Đây là nói rất ráo làm lợi ích cho tất cả.

Kinh: *Vì thế Bồ-tát... xa lìa các sự trói buộc.*

Tán: Đây là lời kết luận.

Kinh: *Thưa ngài Diêu Cát Tường... gọi là Bồ-tát giải thoát?*

Tán: Đây là đoạn giải thích về giải thoát và trói buộc. Gồm có hai: Đầu tiên là hỏi, sau là đáp. Đây có hai câu hỏi.

Kinh: *Nếu các Bồ-tát... Bồ-tát giải thoát.*

Tán: Đáp, có hai đôi:

1. Nói chấp trước thiên gọi là phước, không chấp trước thiên thì giải (giải thoát).
2. Nói có trí mà không có xảo (khéo léo) gọi là phước (trói buộc), có trí có xảo thì gọi là thoát.

Đây là đôi thứ nhất. Chấp trước bốn tịch lực, tám giải thoát, tám đẳng trì, chín đẳng chí thì gọi là phược; vì định chẳng tăng, tu các phẩm tuệ khác, nhiếp phục chúng sinh. Nếu trí thiện xảo, chẳng xả tịnh lực... mà tùy chỗ thích ứng nhiếp phục làm lợi ích chúng sinh trong ba cõi, tùy thuận sinh vào đó mà không tham trước, thì gọi đó là thoát.

Kinh: *Nếu không có phương tiện... gọi là giải thoát.*

Tán: Đây là nói không có xảo (khéo léo) mà có trí là phược (trói buộc). Gồm ba phần:

1. Nêu lên.
2. Giải thích.
3. Giải thích diệu tuệ và thiện xảo sai biệt.

Đây là phần một. Đoạn này có nghĩa là nói: Nếu không có phương tiện thiện xảo, mà chỉ có diệu tuệ khéo nhiếp phục thì gọi là phược, như Nhị thừa... không có dụng của trí. Nếu có phương tiện thiện xảo và diệu tuệ khéo nhiếp phục thì gọi là giải, vì có phương tiện khéo léo, là dụng của tuệ.

Kinh: *Vì sao Bồ-tát... gọi là trói buộc?*

Tán: Đây là phần giải thích, có hai đôi.

1. Bồ-tát trụ ở Nhị thừa vô học.
2. Bồ-tát trụ ở Nhị thừa hữu học.

Thứ nhất đều nói phược; thứ hai đều nói giải. Mỗi một phần thì đầu tiên là lời hỏi; thứ hai đều là lời đáp và cuối cùng là kết luận. Đây là hỏi về phược. Bản dịch xưa chỉ có hai đôi, lời văn khác, ý nghĩa cũng bất đồng, nên xem xét kỹ.

Kinh: *Đó là các Bồ-tát... thành thực hữu tình.*

Tán: Đây là lời đáp. Nếu các Bồ-tát đồng với Nhị thừa dùng ba đẳng trì mà tự điều phục, có diệu tuệ khéo léo; do tu tập không, chẳng dùng tướng quý mà trang nghiêm nội thân, do tu vô tướng mà chẳng trang nghiêm cõi Phật, do tu vô nguyện mà chẳng lợi ích hữu tình thì gọi là không có phương tiện. Hoặc tùy chỗ thích ứng, chẳng cần theo thứ tự phối hợp. Bản dịch xưa ghi: “Dùng tâm ái kiến trang nghiêm cõi Phật...” nên nói dùng tâm không có chánh tuệ trang nghiêm cõi Phật, nên gọi là phược.

Kinh: *Các Bồ-tát này... thì bị trói buộc.*

Tán: Đây là lời kết luận.

Kinh: *Vì sao Bồ-tát... gọi là giải thoát.*

Tán: Đây là hỏi về giải thoát.

Kinh: *Nghĩa là các Bồ-tát... tu tập để chứng ngộ.*

Tán: Đây là phần giải thích. Có hai:

1. Giải thích có diệu tuệ.
2. Giải thích có phương tiện.

Đây là giải thích có diệu tuệ. Có tướng tức vô nguyện quán tánh y tha khởi. Vô tướng tức vô tướng quán tánh viên thành thật. Không có hai pháp này, quán và ngã sở đều bất khả đắc, đoạn nhiệm y tha mà tu tịnh y tha, gọi đó là tu tập nơi viên thành để chứng ngộ.

Kinh: *Lại dùng tướng quý và vẻ đẹp phụ... gọi là giải thoát.*

Tán: Đây là giải thích có phương tiện và kết luận. Bản xưa ý trước dịch là không quán xét, căn cứ theo văn trước có thể biết.

Kinh: *Vì sao Bồ-tát... gọi là trói buộc.*

Tán: Đòi thứ hai hỏi về phược (trói buộc).

Kinh: *Các Bồ-tát... sinh khởi chấp trước sâu nặng.*

Tán: Giải thích. Kiến nghĩa là năm kiến, phiền não tức tham, sân, si mạn nghi; tám triền, ba phược thì như trước đã giải thích. Trên là nói về hiện hành. Tùy miên tức là chủng tử. Do an trụ nơi đây, nên khi tu gốc thiện không hồi hướng Bồ-đề, mà lại sinh chấp trước, thì có các phiền não không có phương tiện. Có thuyết giải thích rằng: Đây là cả hai đều không, tức tuệ và phương tiện đều không. Bản dịch xưa không có nói đến hồi hướng. Lấy cách giải thích thứ nhất làm chánh.

Kinh: *Các Bồ-tát này... gọi là trói buộc.*

Tán: Đây là kết luận.

Kinh: *Vì sao Bồ-tát... gọi là giải thoát?*

Tán: Đây là hỏi về giải thoát.

Kinh: *Các Bồ-tát... chẳng sinh chấp trước.*

Tán: Giải thích. Vì xa lìa các kiến, tu tập các thiện và hồi hướng Bồ-đề, chẳng sinh chấp trước hai loại.

Kinh: *Các Bồ-tát này... gọi là giải thoát.*

Tán: Kết luận.

Kinh: *Thưa ngài Diệu Cát Tường... đó gọi là tuệ.*

Tán: Đây là phần giải thích diệu tuệ và thiện xảo sai biệt. Gồm có hai:

1. Đều giải thích tuệ.
2. Giải thích phương tiện.

Đây là giải thích tuệ. Hay quán các pháp, thân và bệnh đều là vô thường, khổ, không... thì gọi là tuệ, vì tuệ là năng quán.

Kinh: *Tuy thân có bệnh... gọi là phương tiện.*

Tán: Đây là giải thích phương tiện. Tuy có bệnh nhưng không

nhằm mỗi, thường nhân nạn hóa độ quần sinh, đó là dụng của tuệ.

Kinh: Quán thân tâm... gọi là tuệ.

Tán: Thứ hai, giải thích về tuệ. Thân tâm, tức là cái mà năm uẩn hòa hợp giả sinh ra bệnh, nương vào đây mà các khổ bức bách. Cả hai từ vô tử đến nay xoay vần nương nhau, sau sinh thì trước diệt, không giây phút gián đoạn. Chẳng phải xưa chẳng sinh, hôm nay mới sinh; chẳng phải xưa chẳng diệt nay mới diệt. Lại nếu nói mới có, tức là xưa đã bệnh, nếu nói xưa bệnh, thì có các niệm niệm mới sinh ra, vậy biết thân và bệnh có niệm niệm sinh diệt, cho nên nói là chẳng phải mới chẳng phải cũ.

Kinh: Chẳng cầu thân tâm... gọi là phương tiện.

Tán: Đây là giải thích phương tiện. Nhị thừa biết thân và bệnh sinh diệt, cầu rốt ráo diệt tận, vĩnh viễn nhập Niết-bàn, đó gọi là không có phương tiện. Bồ-tát chẳng như thế, chẳng cầu vĩnh viễn diệt, cho nên có phương tiện. Tuệ thì Nhị thừa đều có, dị sinh thì không có. Phương tiện thì Nhị thừa không có, Bồ-tát mới có.

Kinh: Thừa ngài Diệu Cát Tường... chẳng điều phục tâm.

Tán: Đoạn thứ ba, điều phục hai tâm, nói về hạnh Bồ-tát, luận chẳng nên trụ nơi đạo để phá cả hai. Văn gồm có ba:

1. Nêu tổng quát.
2. Lược giải thích.
3. Giải thích rộng.

Đây là phần nêu lên.

Kinh: Vì sao?... Đó là sở hành của Bồ-tát.

Tán: Đây là lược giải thích. Phiền não sinh tử, gọi là tâm chẳng điều phục; xuất thế lợi ích, gọi là tâm điều phục.

Kinh: Nếu ở nơi này... là sở hành của Bồ-tát.

Tán: Giải thích rộng, gồm ba mươi bảy câu nói về sở hành của Bồ-tát, được phân làm hai:

1. Ba mươi bốn câu đầu nói về chẳng đồng với sở hành của phàm phu và Nhị thừa; chỉ là sở hành của Bồ-tát.
2. Ba câu sau nói về việc được chỗ hơn chẳng bỏ chỗ kém là sở hành của Bồ-tát.

Trong ba mươi bốn câu đầu được phân làm bảy:

1. Một câu đầu là nêu tổng quát.
2. Bốn câu kế là theo thứ tự giải thích chẳng đồng phàm phu và Nhị thừa.
3. Bốn câu kế thì hai câu nói chẳng đồng Nhị thừa; hai câu nói

chẳng đồng phạm phu.

4. Gồm bốn câu theo thứ tự nói chẳng đồng Nhị thừa phạm phu.

5. Gồm bảy câu kể chỉ nói chẳng đồng phạm phu.

6. Gồm hai câu, chỉ nói chẳng đồng Nhị thừa.

7. Gồm mười hai câu, chỉ nói chẳng đồng Nhị thừa, đây là tổng kết.

Xứ tức nơi chốn, tức nơi tu hành, hoặc là nơi chốn của đạo lý, những ý khác có thể tự biết được. Bản xưa chỉ có ba mươi một câu, hai mươi tám câu nói về việc chẳng đồng phạm phu và Nhị thừa, ba câu sau nói được chỗ hơn chẳng bỏ chỗ kém.

Trong phần đầu lại có hai: Mười câu đầu nói xen về việc chẳng đồng phạm phu Nhị thừa, mười tám câu sau chỉ nói chẳng đồng Nhị thừa. Trong mười câu đầu lại phân làm bốn: Ba câu đầu nói xen về việc chẳng đồng phạm phu Nhị thừa; hai câu kế theo thứ tự nói về chẳng đồng phạm phu Nhị thừa; ba câu kế thì hai câu nói chẳng đồng Nhị thừa, một câu sau nói chẳng đồng phạm phu; hai câu cuối theo thứ tự nói chẳng đồng Nhị thừa phạm phu.

Kinh: *Nếu ở nơi quán xét... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đoạn này gồm bốn câu, theo thứ tự nói chẳng đồng phạm phu và Nhị thừa. Ở đây gồm hai câu. Phạm phu quán sinh tử là cảnh sở hành thì liền khởi phiền não. Bồ-tát quán sinh tử mà không sinh phiền não. Nhị thừa quán Niết-bàn, liền rất ráo tịch diệt; Bồ-tát quán Niết-bàn chẳng rất ráo tịch diệt.

Kinh: *Nếu nơi thị hiện... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu; phạm phu nếu thấy bốn ma thì thành việc ma, Bồ-tát thấy bốn ma thì vượt trên việc ma. Nhị thừa cầu quả trí, phi thời chứng đắc Thánh trí. Bồ-tát cầu chứng trí mà chẳng phải phi thời chứng đắc Thánh trí. Bồ-tát chứng trí, ngoài hợp với quần sinh, mà hay cứu giúp nên gọi là bất phi thời. Nhị thừa chứng Thánh trí, ngoài chẳng lợi sinh nên gọi là phi thời, vì chẳng ứng hợp thời, chẳng phải đạo lý.

Kinh: *Nếu cầu bốn đế... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Sau đây là bốn câu, hai câu đầu chẳng đồng Nhị thừa, hai câu sau chẳng đồng phạm phu. Đây là hai câu đầu. Bốn đế là phương tiện trước, quán nội chứng là pháp quán căn bản; phi thời chứng bốn đế là sở hành của Nhị thừa; chẳng phi thời chứng bốn đế là sở hành của Bồ-tát. Tự lợi chẳng lợi tha là phi thời; vừa tự lợi và lợi tha gọi là thời. Nếu chánh nội chứng, liền xả bỏ sinh tử, là sở hành của Nhị thừa. Tuy

đã chánh nội chứng mà nhiếp thọ sinh tử là hạnh Bồ-tát.

Kinh: *Nếu hành tất cả... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đây là hai câu sau nói chẳng đồng phàm phu. Phàm phu có duyên khởi liền sinh kiến thú. Bồ-tát hiện duyên khởi mà xa lìa kiến thú. Hiện duyên khởi nghĩa là thấy sinh tử. Phàm phu thấy hữu tình và các pháp xen lẫn nhau thì có phiền não tùy miên. Bồ-tát thấy hai tướng tạp loạn mà không khởi phiền não tùy miên.

Kinh: *Nếu chánh quán xét... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Sau đây gồm bốn câu, thứ tự nói về việc chẳng đồng Nhị thừa phàm phu. Đây là hai câu đầu. Nhị thừa chứng vô sinh nên rơi vào chánh tánh Thanh văn, Bồ-tát chứng vô sinh chẳng đọa vào chánh tánh Thanh văn. Chánh tánh, tức lý nhân vô ngã, trí chứng chứng lý nhân vô ngã này gọi là chánh tánh; phàm phu nhiếp thọ hành xứ của hữu tình thì có hoặc chứng tùy miên; Bồ-tát nhiếp thọ hành xứ của hữu tình mà không có chủng tử phiền não.

Kinh: *Nếu chánh vui thích... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đây là hai câu sau. Nhị thừa thích hạnh xa lìa cầu thân tâm diệt, nhập Niết-bàn; Bồ-tát thích xa lìa mà chẳng cầu thân tâm diệt vĩnh viễn vào Niết-bàn. Phàm phu quán ba cõi mà mê loạn chân như, Bồ-tát quán ba cõi chẳng mê loạn chân như. Pháp giới tức là chân như.

Kinh: *Nếu ưa thích quán xét... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Từ đây trở xuống là bảy câu, chỉ nói chẳng đồng Nhị thừa; phân làm hai: Ba câu đầu nói về hạnh đẳng trí; bốn câu nói về các hạnh khác. Đây là ba câu đầu. Nhị thừa quán tánh không thì không có, chỗ nương cầu, Bồ-tát quán tánh không, nhưng vẫn cầu công đức. Nhị thừa quán vô tướng, không giáo hóa chúng sinh ở ngoài, Bồ-tát quán vô tướng, bên ngoài vẫn giáo hóa chúng sinh. Nhị thừa quán vô nguyện, mà diệt tận hữu thú, Bồ-tát quán vô nguyện mà thị hiện nơi hữu thú, hữu tức ba cõi, thú tức năm đường. Bản xưa ghi: “Vô tác, tức là vô nguyện”.

Kinh: *Nếu thích đạo đi... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đây là bốn câu nói về tu tập hạnh. Đoạn này gồm hai câu đầu. Vô tác tức không khởi tạo tác. Lý tánh không diệt, trước quán vô ngã cho nên thành sai biệt. Thế tức là phước bỏ. Nhị thừa đạo nơi không, chẳng khởi các hạnh. Bồ-tát đạo nơi không mà không có các hạnh thiện. Nhị thừa đạo nơi sáu độ liền thích Niết-bàn, Bồ-tát đạo nơi sáu độ mà chẳng thích Niết-bàn, vì trụ mà chẳng trụ; tâm hành của hữu tình là bờ kia diệu trí, vì là Niết-bàn. Bản xưa ghi: “Biết tâm tâm sở pháp”. Nghĩa

là hiển thị bờ kia mong cầu. Tuy biết mà chẳng cầu.

Kinh: *Nếu thích quán xét... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Nhị thừa tu hạnh vô lượng, cầu sinh phạm thế. Vì đó là nhân hữu lậu. Quả này ắt sinh ở sơ thiên. Bồ-tát tu hạnh vô lượng, cầu đại Bồ-đề, vì đó là nhân vô lậu. Nhị thừa đạo nơi sáu thông chứng Niết-bàn lậu tận, Bồ-tát đạo nơi sáu thông chẳng chứng Niết-bàn, trụ mà vô trụ.

Kinh: *Nếu thích kiến lập... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu, nói chẳng đồng phạm phu. Phạm phu kiến lập các pháp, duyên theo tà đạo, tà giải phân biệt các pháp, Bồ-tát kiến lập các pháp chẳng duyên tà đạo, hiểu rõ chánh lý để giải thích các pháp. Phạm phu khởi sáu niệm, tùy sinh các lậu, khởi các ái mạn... Bồ-tát khởi sáu niệm chẳng sinh các lậu, mà diệt các lậu.

Kinh: *Nếu thích quán xét... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Từ đây trở xuống gồm mười hai câu, chỉ nói về việc chẳng đồng Nhị thừa. Chia làm ba: Hai câu đầu nói về chẳng đồng lìa nhiễm thọ sinh; bảy câu kế tiếp nói chẳng đồng tu pháp Bồ-đề phần; ba câu cuối nói chẳng đồng chứng vô vi hữu vi. Đoạn này là hai câu đầu. Nhị thừa quán vô lậu, cầu mong lìa nhiễm; Bồ-tát quán vô lậu chẳng cầu lìa nhiễm, lưu giữ hoặc, đến khi hoặc tận trừ, chứng Phật Nhất thiết trí. Nhị thừa được định hữu lậu, tùy theo sức định mà thọ sinh, Bồ-tát đạt định vô lậu, chẳng tùy sức định thọ sinh.

Kinh: *Nếu thích đạo chơi... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đây là bảy câu kế, nói về việc chẳng đồng tu pháp Bồ-đề phần. Đoạn này gồm ba câu. Nhị thừa tu niệm trụ cầu xa lìa thân, thọ, tâm, pháp; Bồ-tát tu niệm trụ chẳng cầu bốn viễn ly. Viễn ly tức đoạn phiền não. Nhị thừa khởi chánh đoạn, siêng năng đoạn trừ hai ác, siêng năng tu tập hai thiện, cho nên có thấy thiện và bất thiện; Bồ-tát từ vô phân biệt mà khởi bốn chánh đoạn. Chẳng thấy thiện và bất thiện. Nhị thừa khởi bốn Thần túc, chẳng có thể tự tại biến hiện, Bồ-tát khởi bốn Thần túc, tự tại biến hiện vì sức gia hạnh lớn.

Kinh: *Nếu thích đạo chơi... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đoạn này gồm hai câu nói về Nhị thừa đạo nơi năm căn, tự mình đã được liền khởi diệu trí cảnh phân biệt các căn thắng liệt của hữu tình, Bồ-tát đạo nơi năm căn, không phân biệt, không khởi diệu trí cảnh phân biệt các căn của hữu tình. Tuy có sức căn thượng hạ nhưng vô phân biệt. Do đó bản dịch xưa ghi: “Vô phân biệt các căn lợi độn của tất cả chúng sinh”. Nhị thừa khởi năm lực chẳng cầu mười lực, Bồ-tát khởi năm lực mà cầu mười Lực.

Kinh: *Nếu thích an lập... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đoạn này có hai câu. Thất giác của Nhị thừa đều viên mãn, nhưng do có phân biệt, nên sau đó cầu cảnh giới diệu dụng diệu trí sai biệt của Phật pháp; Bồ-tát cũng viên mãn thất giác nhưng vì vô phân biệt, nên chẳng cầu sở hành diệu trí diệu dụng sai biệt của Phật, vì quả trí đã viên mãn. Bản dịch xưa ghi: “Mà phân biệt diệu trí của Phật”. Văn thật trái nhau; chẳng đồng với Nhị thừa thì lý mới thành tựu. Bát chánh đạo của Nhị thừa đã viên mãn, nhưng nhầm chán và trái nghịch với tà đạo. Bồ-tát tám Chánh đạo cũng đã viên mãn, nhưng chẳng nhầm chán, mà thường giáo hóa họ. Bản xưa ghi: “Mà thích thực hành vô lượng Phật đạo”. Cầu quả viên mãn, Nhị thừa chẳng cầu làm Phật, cho nên chẳng thích làm.

Kinh: *Nếu cầu chỉ quán... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đây là ba câu nói về chẳng đồng chứng vô vi hữu vi. Hai câu đầu nói chẳng đồng chứng vô vi, một câu sau nói chẳng đồng chứng hữu vi. Nhị thừa cầu hai nhân chỉ quán, đọa vào rốt ráo diệt; Bồ-tát khởi chỉ quán chẳng rơi vào rốt ráo diệt, mà thường giáo hóa chúng sinh. Tư lương tức là nhân. Nhị thừa quán lý vô sinh diệt, chẳng có tướng quý và vẻ đẹp trang nghiêm thân và thành tựu Phật sự. Bồ-tát bên trong quán lý vô sinh, nhưng vẫn dùng tướng quý và vẻ đẹp trang nghiêm thân thành tựu các Phật sự. Đó là hai câu nói về việc chẳng đồng chứng vô vi. Sau là nói sự nghiệp hữu vi bất đồng. Nhị thừa khởi oai nghi, xả bỏ tất cả tâm duyên lự về Phật pháp. Đã phát khởi việc thế tục rồi thì chẳng thể quán sự lý xuất thế nữa; còn Bồ-tát hiện các oai nghi của Nhị thừa mà bên trong hay duyên với tất cả sự lý Phật pháp, vì sức gia hạnh lớn.

Kinh: *Nếu tùy các pháp... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Ba mươi bốn câu trên là nói về việc bất đồng với sở hành của phàm phu và Nhị thừa, ba câu này thì nói về hạnh được sự thù thắng chẳng bỏ pháp thua kém, gọi là sở hành của Bồ-tát:

1. Nhập định hiện oai nghi.
2. Chứng lý hiện các tướng.
3. Đắc quả hiện tu nhân.

Đoạn này gồm hai câu. Bản tánh rốt ráo thanh tịnh, chân như thường tịch. Diệu định tức là Định năng quán. Tuy được chân như nhưng lại hay duyên với định, tùy theo định mà thực hành, chẳng bỏ oai nghi mà hữu tình ưa thích, hoặc chẳng khởi diệt định mà hiện oai nghi, đó là một câu. Tất cả cõi Phật, tánh vốn không tịch, không thành, không hoại như hư không, đó là cõi pháp tánh. Tuy quán thù thắng tất cả cõi pháp

tánh không vô tướng, nhưng chẳng phải không có các loại trang nghiêm cõi Phật, lợi lạc hữu tình, tu tập báo hóa độ kém. Đây là câu thứ hai.

Kinh: *Nếu thích thị hiện... là sở hành của Bồ-tát.*

Tán: Đoạn này gồm một câu. Tuy câu hiện tám tướng thù thắng, nhưng vì Phật sự, nên chẳng bỏ việc tu tập các hạnh Bồ-tát kém thấp. Trong đó lại nói hai tướng của quả. Ba câu sau nói về việc hay thực hành việc thù thắng mà chẳng xả bỏ việc kém nhỏ.

Kinh: *Khi thuyết tất cả... phát tâm thú hướng.*

Tán: Đoạn thứ năm, kết luận nêu lợi ích. Tuy kể đến nói sở hành của Bồ-tát, Thiên tử phát tâm, nhưng là một phẩm nên cuối cùng nói lợi ích, vì thế thuộc về đoạn thứ năm của phẩm này mà chẳng thuộc văn sau.
